

Số: 300 /2018/QĐST-HNGĐ

Điện Biên, ngày 31 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 324/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T - Sinh năm: 1990

Địa chỉ: Đội 4 xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Bị đơn Anh Nguyễn Văn N - Sinh năm: 1987

Nơi ĐKTT: Xóm 3, Thôn Đ, xã Đ1, huyện A, tỉnh Hưng Yên

Địa chỉ: Đội 4, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 10 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 10 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn N thuận tình ly hôn.

2.2 Về con chung: Chị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng N sinh ngày 20/11/2011 cho đến khi cháu thành niên. Anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng) cho đến khi cháu thành niên. Phương thức cấp dưỡng là vào ngày 15 hàng tháng. Thời điểm cấp dưỡng bắt đầu tính từ ngày 31/10/2018.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một

bên hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh N không tự nguyện thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì anh N phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.3 Về quan hệ tài sản:

Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4 Về án phí: Căn cứ Khoản 3, Khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a Khoản 5 Điểm a, b Khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chị T và anh N mỗi người phải chịu 75.000 đ án phí DSST. Anh N phải chịu 150.000đ tiền án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Chị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 150.000đ, và 150.000đ án phí cấp dưỡng của anh N nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 300.000đ theo biên lai số: AA/2016/0002962 ngày 04/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự: "Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- Chi cục THA dân sự H. Đ;
- VKSND H.Đ;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

THẨM PHÁN

Bạc Thị Liên

